

BỘ Y TẾ
Số: 21-BYT/TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 2 tháng 12 năm 1994

THÔNG TƯ
CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Hướng dẫn xếp hạng các viện không có giường bệnh trong ngành y tế

Thi hành Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang. Sau khi được sự thoả thuận của Liên Bộ Lao động - Thương binh Xã hội - Tài chính và Ban tổ chức cán bộ Chính phủ, tại Công văn số: 4804/LĐTBOXH-TC ngày 07 tháng 11 năm 1994, Bộ Y tế hướng dẫn xếp hạng các Viện không có giường bệnh trong ngành y tế như sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

Phục vụ cho kế hoạch sắp xếp lại mạng lưới các viện nghiên cứu trong cả nước và xây dựng 2 trung tâm y học y tế chuyên sâu tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Xác định mức phụ cấp chức vụ.

Bố trí sử dụng hợp lý công chức, viên chức.

B. PHÂN HẠNG CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU KHÔNG
GIƯỜNG BỆNH

I. PHẠM VI ĐỐI TƯỢNG:

Các viện nghiên cứu không có giường bệnh.

Trung tâm kiểm định Vắc xin, Trung tâm sản xuất Vắc xin.

II. NGUYÊN TẮC XẾP HẠNG:

Việc xếp hạng các viện nghiên cứu không có giường bệnh căn cứ vào 4 nhóm chỉ tiêu sau:

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quy mô hoạt động 30 điểm
- chất lượng hiệu quả nghiên cứu khoa học và chỉ đạo ngành 30 điểm

3. Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ lãnh đạo,

cán bộ kinh tế kỹ thuật 20 điểm

4. Trang thiết bị, cơ sở vật chất kỹ thuật 20 điểm

Hạng của các viện nghiên cứu không có giường bệnh gồm 3 hạng, từ hạng 1 đến hạng 3, phụ thuộc vào số điểm đạt được tổng số điểm tối đa là 100 điểm.

III- CÁC CHỈ TIÊU XẾP HẠNG:

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quy mô hoạt động 30 điểm

1.1. Chỉ đạo hoạt động chuyên ngành, phục vụ công tác phòng bệnh, điều trị và chăm sóc sức khỏe ban đầu (CSSKBD) 15 điểm

Phạm vi toàn quốc 15 điểm

Phạm vi khu vực vùng 15 điểm

Phạm vi trong tỉnh 5 điểm

1.2. Đào tạo cán bộ: 10 điểm

Đào tạo đại học, sau và trên đại học 10 điểm

Đào tạo đại học, sau đại học 7 điểm

Đào tạo trung học kỹ thuật 5 điểm

Không đào tạo 0 điểm

1.3. Hợp tác quốc tế về khoa học kỹ thuật (giai đoạn 91 - 95) 5 điểm

Thực hiện đề tài hợp nghiên cứu khoa học 5 điểm

Hợp tác xây dựng chuyên ngành 2 điểm

Không có hoạt động này 0 điểm

2. Nghiên cứu khoa học (giai đoạn 91 - 95) 30 điểm

2.1. Đề tài nghiên cứu khoa học giai đoạn 91 - 95 10 điểm

Thực hiện đề tài cấp Nhà nước 10 điểm

Thực hiện đề tài cấp bộ 7 điểm

Thực hiện đề tài cấp cơ sở 3 điểm

Không có đề tài nghiên cứu 0 điểm

2.2. Chất lượng nghiên cứu khoa học 20 điểm

a. Kết quả nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu và triển khai ở quy mô sản xuất thử hoặc đã ứng dụng thực tiễn

(so với tổng số đề tài đã đăng ký) 15 điểm

Trên 70% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng 15 điểm

51 - 70% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng 10 điểm

31 - 50% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng 5 điểm

Dưới 31% số đề tài đã nghiệm thu và được ứng dụng 2 điểm

b. Kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu nhưng chưa được ứng dụng (so với tổng số đề tài đã đăng ký) 5 điểm

Trên 70% số đề tài đã nghiệm thu có kết quả 5 điểm

51 - 70% 4 điểm

31 - 50% 2 điểm

Dưới 31% 1 điểm

3. Trình độ cán bộ 20 điểm

3.1. Trình độ cán bộ quản lý: 10 điểm

50% là cán bộ có trình độ trên đại học và

50% là cán bộ có trình độ đại học

30% là cán bộ có trình độ trên đại học và

70% là cán bộ có trình độ đại học 8 điểm

10% là cán bộ có trình độ trên đại học và

90% là cán bộ có trình độ đại học 6 điểm

100% là cán bộ có trình độ đại học 4 điểm

Dưới 80% là cán bộ có trình độ đại học 2 điểm

3.2.2. Cán bộ nghiên cứu khoa học 10 điểm

Trên 40 % có trình độ trên đại học trong tổng số cán bộ đại học 10 điểm

Từ 30% - 40% 7 điểm

Từ 20% - 30% 5 điểm

Từ 10% - 20% 3 điểm